

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN**

**Mẫu 5**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

**Ngành: Giáo dục Mầm non**  
**Mã số: 52 14 02 01**

**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - NĂM 2016**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

**Ngành: Giáo dục Mầm non**  
**Mã số: 52 14 02 01**

(Đính kèm Quyết định số      /QĐ-ĐHSG-ĐT  
ngày      tháng      năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - NĂM 2016**

## MỤC LỤC

PHẦN 1 MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA .....	4
1.1. Mục tiêu chung .....	4
1.2. Mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra.....	4
1.2.1. Yêu cầu về kiến thức .....	4
1.2.2. Yêu cầu về kỹ năng .....	4
1.2.3. Yêu cầu về thái độ .....	5
1.3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp .....	5
1.4. Khả năng học tập và nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp.....	5
1.5. Các chương trình đã tham khảo .....	5
1.5.1. Các chương trình trong nước .....	5
1.5.2. Các chương trình nước ngoài.....	6
PHẦN 2 NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO .....	7
2.1. Khái quát chương trình đào tạo.....	7
2.1.1. Đối tượng tuyển sinh và thời gian đào tạo.....	7
2.1.3. Điều kiện tốt nghiệp.....	7
2.1.4. Các điều kiện thực hiện chương trình đào tạo .....	7
2.2. Khung chương trình đào tạo.....	9
2.3. Cơ cấu các học phần của khối kiến thức chuyên ngành (Không có) .....	12
2.4. Kế hoạch đào tạo theo tiến độ .....	12
2.5. Kế hoạch đào tạo theo tiến độ của khối kiến thức chuyên ngành (Không có) ..	15
PHẦN 3 ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN .....	16
Tâm lý học trẻ em 1 .....	17
Tâm lý học trẻ em 2Đ.....	20
Vệ sinh và dinh dưỡng trẻ em .....	24
Sinh lý trẻ em .....	28
Phòng bệnh trẻ em.....	34
Kỹ năng tạo hình.....	37
Nhạc 1 .....	41
Nhạc 2 .....	44
Kỹ năng làm đồ chơi .....	47
Vận động theo nhạc.....	51
Văn học trẻ em.....	54
Tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục ở trường Mầm non.....	59
Giáo dục học mầm non .....	63

Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục – đào tạo (giáo dục mầm non) ....	66
Tâm lý học quản lý .....	70
Tâm lý học nhân cách.....	73
Giáo dục môi trường.....	77
Hát dân ca .....	81
Giáo dục hòa nhập.....	84
Phương pháp dạy học hiện đại.....	87
Nghệ thuật nói diễn cảm.....	90
Giáo dục gia đình.....	93
Giao tiếp sư phạm mầm non .....	97
Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non.....	101
Phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen với tác phẩm văn học (ĐH).....	107
Phương pháp giáo dục âm nhạc cho trẻ mầm non (ĐH) .....	111
Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non (ĐH).....	114
Phương pháp hướng dẫn hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non (ĐH).....	118
Phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen với môi trường xung quanh (ĐH).....	122
Phương pháp hình thành biểu tượng toán cho trẻ mầm non (ĐH) .....	126
Phương pháp hướng dẫn hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non.....	130
Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non .....	133
Phương pháp nghiên cứu trẻ em .....	137
Thực hành sư phạm 1 .....	140
Thực hành sư phạm 2 .....	143
Thực hành sư phạm 3 .....	146
Thực hành sư phạm 4 .....	149
Thực hành sư phạm 5 .....	152
Giáo dục sáng tạo cho trẻ mầm non.....	155
Tổ chức môi trường giáo dục cho trẻ mầm non .....	158
Giáo dục giới tính cho trẻ mầm non.....	162
Biên đạo múa cho trẻ mầm non .....	164
Chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1.....	167
Biên soạn các bài hát cho trẻ mầm non.....	170
Giáo dục tâm vận động cho trẻ mầm non.....	173
Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục mầm non .....	176

Giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống cho trẻ mầm non .....	179
Giáo dục cảm xúc trẻ mầm non .....	182
Nghề giáo viên mầm non .....	185
Quản lý trong giáo dục mầm non.....	188
Đánh giá trong giáo dục mầm non.....	191

## **PHẦN 1**

### **MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA**

#### **1.1. Mục tiêu chung**

Đào tạo cử nhân ngành giáo dục mầm non có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp để thực hiện công tác giáo dục trẻ và có khả năng học ở trình độ cao hơn.

#### **1.2. Mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra**

##### **1.2.1. Yêu cầu về kiến thức**

- Kiến thức chung
- Hiểu biết về những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê Nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối Cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam và hiểu biết về Hiến pháp, Pháp luật của nhà nước.
- Kiến thức chuyên ngành:
- Nắm vững hệ thống kiến thức khoa học giáo dục mầm non (kiến thức cơ sở, kiến thức ngành), kiến thức nghiệp vụ sư phạm mầm non để thực hiện tốt công tác chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non.
- Kiến thức bổ trợ:
- Ngoại ngữ (tiếng Anh) và Tin học theo quy định chuẩn đầu ra cho các ngành đào tạo:
  - + Chuẩn đầu ra Ngoại ngữ (tiếng Anh) cho các ngành không chuyên tiếng Anh:
    - Chứng chỉ B (Quốc gia)
    - Chứng chỉ B1 (Khung Châu Âu)
    - Chứng chỉ Toeic 450
    - Chứng chỉ Toefl PBT 450
    - Chứng chỉ Toefl IBT 45
    - Chứng chỉ IELTS 4.5
  - + Chuẩn đầu ra Tin học cho các ngành không chuyên Tin học:
    - Chứng chỉ A (Quốc gia)
- + Đối với các ngành Sư phạm sinh viên phải có chứng chỉ Ứng dụng Công nghệ thông tin trong dạy học.

##### **1.2.2. Yêu cầu về kỹ năng**

- Phân tích chương trình giáo dục mầm non.
- Lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và điều chỉnh linh hoạt kế hoạch chăm sóc và giáo dục phù hợp với trẻ ở các lứa tuổi mầm non.
- Tổ chức, quản lý công tác chăm sóc – giáo dục trẻ ở trường mầm non.

- Quan sát, đánh giá các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ.
- Quan sát, đánh giá sự phát triển của trẻ lứa tuổi mầm non.
- Giao tiếp và ứng xử sư phạm phù hợp với nhiều đối tượng khác nhau.
- Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm; phối hợp thực hiện tốt dây chuyền trong công tác chăm sóc – giáo dục trẻ tại nhóm/lớp và trường mầm non.
- Thông tin, tuyên truyền về công tác chăm sóc, giáo dục mầm non trong cộng đồng
- Ứng dụng công nghệ thông tin, thành tựu giáo dục mầm non trong và ngoài nước vào công tác chăm sóc giáo dục trẻ.
- Tự nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non, tự bồi dưỡng nâng cao năng lực sư phạm và trình độ chuyên môn nhằm thích ứng với yêu cầu nghề nghiệp.

### **1.2.3. Yêu cầu về thái độ**

- Chấp hành tốt các chủ trương chính sách của Đảng và nhà nước, có ý thức xây dựng và bảo vệ tổ quốc, thực hiện tốt nghĩa vụ công dân tại địa phương và các quy định của trường mầm non.
- Nỗ lực rèn luyện các phẩm chất đạo đức, tác phong của người giáo viên mầm non, có ý thức tổ chức kỷ luật tốt.
- Yêu nghề, yêu trẻ, tận tụy với công việc, có ý thức trách nhiệm; tác phong năng động, linh hoạt.
- Có tinh thần đoàn kết, hợp tác, tương trợ.
- Có tinh thần cầu tiến; ý thức tự học, tự bồi dưỡng nâng cao nhận thức chính trị và trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

### **1.3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp**

- giáo viên mầm non ở các cơ sở giáo dục mầm non.
- Chuyên viên trong các cơ quan, tổ chức có liên quan đến bậc học mầm non.
- Giảng dạy trong các trường đào tạo giáo viên mầm non
- Cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục mầm non (phải tốt nghiệp loại xuất sắc hoặc giỏi).

### **1.4. Khả năng học tập và nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp**

- Các chương trình bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về giáo dục mầm non.
- Các chương trình đào tạo sau đại học ở các chuyên ngành tương ứng.

### **1.5. Các chương trình đã tham khảo**

#### **1.5.1. Các chương trình trong nước**

- Chương trình khung giáo dục đại học, ngành giáo dục mầm non của Bộ GD – ĐT (ban hành kèm theo Thông tư 37/2010/TT-BGDĐT ngày 21 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào Tạo).

- Chương trình giáo dục mầm non trường Đại học sư phạm Hà Nội
- Chương trình giáo dục mầm non trường Đại học sư phạm Hà Nội 2
- Chương trình giáo dục mầm non trường Đại học sư phạm Vinh
- Chương trình giáo dục mầm non trường Đại học sư phạm TP. Hồ Chí Minh

### **1.5.2. Các chương trình nước ngoài**

- Chương trình giáo dục mầm non của các trường đại học ở Mỹ:
  - The New York University Steinhardt School of Culture, Education, and Human Development
  - The Peabody College of Education and Human Development at Vanderbilt University
  - College of Education – Florida State University
- Chương trình giáo dục mầm non của các trường đại học ở Nga.
  - РГПУ им. А.И.Герцена.

**DUYỆT  
HIỆU TRƯỞNG**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO**

**TRƯỞNG KHOA/NGÀNH**

**PGS.TS. Phạm Hoàng Quân**

**TS. My Giang Sơn**

**TS. Nguyễn Ngọc Quỳnh Dao**

## PHẦN 2

### NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

#### 2.1. Khái quát chương trình đào tạo

##### 2.1.1. Đối tượng tuyển sinh và thời gian đào tạo

- Đối tượng tuyển sinh: tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.
- Thời gian đào tạo: 04 năm.

##### 2.1.2. Cấu trúc chung của chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ trong chương trình: **156** tín chỉ. Sinh viên phải tích lũy tối thiểu **132** tín chỉ (không kể 03 tín chỉ của môn học GDTC và 08 tín chỉ của môn học Giáo dục quốc phòng - An ninh), trong đó:

- Khối kiến thức chung: **19** tín chỉ (bắt buộc: 19 tín chỉ; tự chọn: 0 tín chỉ);
- Khối kiến thức cơ sở: **48** tín chỉ (bắt buộc: 46 tín chỉ; tự chọn: 2 tín chỉ);
- Khối kiến thức ngành: **48** tín chỉ (bắt buộc: 42 tín chỉ; tự chọn: 6 tín chỉ);
- Khối kiến thức chuyên ngành (nếu có): **Không có**
- Thực tập nghề nghiệp: **9** tín chỉ.
- Khóa luận tốt nghiệp/các học phần thay thế: **8** tín chỉ

##### 2.1.3. Điều kiện tốt nghiệp

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo theo quy định;
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;
- Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, tin học do Hiệu trưởng quy định;
- Thỏa mãn một số yêu cầu về kết quả học tập đối với nhóm học phần thuộc ngành đào tạo chính và các điều kiện khác do Hiệu trưởng quy định;
- Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - An ninh và chứng chỉ GDTC đối với các ngành đào tạo không chuyên về quân sự và thể dục - thể thao;
- Có đơn gửi Phòng Đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khoá học.

##### 2.1.4. Các điều kiện thực hiện chương trình đào tạo

a. Điều kiện về học các MH/HP bắt buộc trong chương trình

Khối lượng kiến thức bắt buộc được xác định cho từng học phần trong chương trình khung, thể hiện rõ các điều kiện về MH/HP học trước. Vì vậy, một số MH/HP thuộc khối kiến thức chung và các MH/HP thuộc khối kiến thức cơ sở ngành cần

được thực hiện vào năm thứ nhất và học kỳ 1 năm thứ hai. Các học phần thuộc khối kiến thức ngành bắt đầu được thực hiện vào học kỳ 2 của năm thứ 2 và được sắp xếp hợp lý, phụ thuộc vào điều kiện về MH/HP học trước (chủ yếu từ các MH/HP thuộc khối kiến thức cơ sở ngành) nhằm giúp sinh viên không chỉ học kịp tiến độ mà có thể linh hoạt lựa chọn một số MH/HP học trước cho phù hợp với kế hoạch cá nhân.

#### b. Điều kiện về học các học phần tự chọn

Các học phần tự chọn được xây dựng theo hướng chuyên sâu nhằm đáp ứng nhu cầu của người học và thực tiễn giáo dục mầm non. Số lượng các học phần tự chọn nhiều, được mở linh hoạt ở các học kỳ tùy theo từng khóa học và điều kiện MH/HP học trước. Sinh viên mỗi khóa học cần tích lũy đủ 10 tín chỉ trong số các học phần tự chọn của chương trình đào tạo (4TC thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và 6TC thuộc khối kiến thức ngành).

#### c. Điều kiện về cơ sở vật chất

- Phòng học cụ: được trang bị đầy đủ các loại đồ chơi, đồ dùng, mô hình, tranh ảnh, nguyên vật liệu phong phú...phù hợp với trẻ ở các lứa tuổi khác nhau để sinh viên có thể sử dụng, thực hành tập dạy ở các HP phương pháp trên lớp.

- Phòng chức năng: Phòng múa có gương soi và không gian rộng, được sử dụng cho các HP/MH\_Vận động theo nhạc, Biên đạo múa cho trẻ MN, Thực hành sư phạm 2, Phương pháp GDTC.

- Các phòng học học các học phần phương pháp và các học phần Thực hành sư phạm (THSP 1-2-3-4) thuộc khối kiến thức ngành cần có bàn ghế rời dễ di chuyển và sắp xếp: Thuận tiện rèn luyện kỹ năng nghề cho sinh viên qua tổ chức các giờ thực hành, tập dạy.

#### d. Điều kiện về qui mô lớp học

Một số HP/MH nhằm rèn luyện kỹ năng nghề chuyên biệt (Kỹ năng tạo hình, Nhạc 1, Nhạc 2, Kỹ năng làm đồ chơi, Vận động theo nhạc, Biên đạo múa cho trẻ mầm non, Biên soạn các bài hát cho trẻ mầm non) và các học phần THSP rèn luyện kỹ năng: Thực hành sư phạm 1, 2, 3, 4, 5; cần được mở mỗi nhóm lớp gồm tối đa 40 sinh viên.

#### e. Điều kiện về làm khóa luận tốt nghiệp và học các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp

- Sinh viên đủ điều kiện được làm khóa luận tốt nghiệp (theo quy định chung của trường ĐH Sài Gòn), có thể bắt đầu đăng ký làm khóa luận tốt nghiệp từ học kỳ 2 năm thứ 3 và được thực hiện vào học kỳ 1 năm thứ tư đến hết thời gian thực tập sư

phạm ở học kỳ 2 và sẽ tiến hành bảo vệ khóa luận tốt nghiệp trong thời gian thi học kỳ 2 năm thứ 4.

- Sinh viên có quyết định được làm khóa luận tốt nghiệp sẽ không phải đăng k học 4 học phần (8TC) thay thế KLTN.

f. Điều kiện về thực hành sư phạm và thực tập sư phạm

- Thời gian thực tế, thực hành sư phạm (thuộc phần lớn các môn trong khối kiến thức ngành tổ chức cho sinh viên dự thực tế các hoạt động giáo dục ở trường mầm non), được tính trong số tiết dạy của mỗi HP/MH (3 tiết/1buổi).

- Mỗi đợt thực tập sư phạm (thực tập sư phạm 1, gồm 3TC, được thực hiện vào học kỳ 6 và thực tập sư phạm 2, gồm 6TC, được thực hiện vào học kỳ 8 của khóa học sau khi sinh viên đã hoàn thành các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở, khối kiến thức ngành theo các điều kiện HP/MH trước), được coi như một học phần quan trọng bắt buộc trong chương trình đào tạo.

## 2.2. Khung chương trình đào tạo

TT	Tên học phần/môn học	Mã số	Số tín chỉ	Số tiết					Hệ số học phần	Mã số học phần trước
				Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm, thực địa	Cộng		
				Lí thuyết	Bài tập	Thảo luận				
<b>I</b>	<b>Khối kiến thức chung: 19/132 tín chỉ</b>									
	<b>Bắt buộc: 19/19 tín chỉ</b>									
1	Những nguyên lí cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin	861001	5	75	0	0	0	75	1.0	
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	861002	2	30	0	0	0	30	1.0	861001
3	Đường lối cách mạng ĐCSVN	861003	3	45	0	0	0	45	1.0	861002
4	Giáo dục thể chất I	862101	1	0	0	0	30	30	0.5	
5	Giáo dục thể chất II	862102	1	0	0	0	30	30	0.5	862101
6	Giáo dục thể chất III	862103	1	0	0	0	30	30	0.5	862101
7	Giáo dục quốc phòng – An ninh I	862106	3	45	0	0	0	45	1.0	861003
8	Giáo dục quốc phòng – An ninh II	862107	2	30	0	0	0	30	1.0	
9	Giáo dục quốc phòng – An ninh III	862108	3	45	0	0	0	45	1.0	
10	Tiếng Anh I	866101	2	30	0	0	0	30	1.0	Điểm KS ≥ 50
11	Tiếng Anh II	866102	2	30	0	0	0	30	1.0	866101
12	Tiếng Anh III	866103	3	45	0	0	0	45	1.0	866102
13	Pháp luật đại cương	865006	2	30	0	0	0	30	1.0	
	<b>Tự chọn: 00/19 tín chỉ</b>									

<b>II Khối kiến thức cơ sở: 48/132 tín chỉ</b>										
<b>Bắt buộc: 46/48 tín chỉ</b>										
14	Tâm lý học đại cương	863001	2	30	0	0	0	30	1.0	
15	Giáo dục học đại cương	863005	2	30	0	0	0	30	1.0	
16	Phương pháp nghiên cứu KHGD	863009	2	30	0	0	0	30	1.0	863004+08
17	Tâm lý học trẻ em 1	819101	3	30	15	0	0	45	1.0	863001
18	Tâm lý học trẻ em 2Đ	819102	3	25	10	10	0	45	1.0	863001
19	Vệ sinh và dinh dưỡng trẻ em	819103	4	35	5	5	15	60	1.0	
20	Sinh lý trẻ em	819022	2	20	0	10	0	30	1.0	
21	Phòng bệnh trẻ em	819052	2	15	5	0	10	30	1.0	
22	Kỹ năng tạo hình	819020	3	15	0	0	30	45	1.0	
23	Nhạc 1	819021	2	15	10	0	5	30	1.0	
24	Nhạc 2	819301	2	5	5	0	20	30	1.0	
25	Kỹ năng làm đồ chơi	819024	2	15	5	0	10	30	1.0	
26	Vận động theo nhạc	819026	3	10	10	5	20	45	1.0	
27	Văn học trẻ em	819302	3	26	8	9	2	45	1.0	
28	Tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục ở trường Mầm non	819303	3	30	5	5	5	45	1.0	863005
29	Giáo dục học mầm non	819059	2	17	4	7	2	30	1.0	863005
30	Quản lý hành chính nhà nước & quản lý ngành GD-ĐT (GDMN)	819304	2	16	3	3	8	30	1.0	
31	Giao tiếp sư phạm mầm non	819104	3	25	5	5	10	45	1.0	819101 819102
32	Giáo dục hòa nhập	819058	2	14	5	5	6	30	1.0	819303
<b>Tự chọn: 02/48 tín chỉ</b>										
33	Tâm lý học quản lý	819305	2	17	2	9	2	30	1.0	863001
34	Tâm lý học nhân cách	819030	2	20	5	5	0	30	1.0	863001
35	Giáo dục môi trường	819053	2	15	5	5	5	30	1.0	819303
36	Hát dân ca	819032	2	5	5	0	20	30	1.0	
37	Phương pháp dạy học hiện đại	819306	2	10	5	5	10	30	1.0	863005
38	Nghệ thuật nói diễn cảm	819307	2	10	10	0	10	30	1.0	
39	Giáo dục gia đình	819027	2	20	5	5	0	30	1.0	819303
<b>III Khối kiến thức ngành: 48/132 tín chỉ</b>										
<b>Bắt buộc: 42/48 tín chỉ</b>										
40	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non	819308	4	23	2	10	25	60	1.0	819303

41	Phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen với tác phẩm văn học (ĐH)	819309	3	25	5	5	10	45	1.0	819303
42	Phương pháp giáo dục âm nhạc cho trẻ mầm non (ĐH)	819106	4	30	15	10	5	60	1.0	819026 819303
43	Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non (ĐH)	819107	4	30	10	5	15	60	1.0	819303
44	Phương pháp hướng dẫn hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non (ĐH)	819108	4	30	10	5	15	60	1.0	819020 819024 819303
45	Phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen với môi trường xung quanh (ĐH)	819109	4	30	10	10	10	60	1.0	819303
46	Phương pháp hình thành biểu tượng toán cho trẻ mầm non (ĐH)	819110	4	35	10	5	10	60	1.0	819303
47	Phương pháp hướng dẫn hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non	819070	3	25	5	5	10	45	1.0	819303
48	Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non	819311	4	30	10	5	15	60	1.0	819109 819110
49	Phương pháp nghiên cứu trẻ em	819081	2	15	10	5	0	30	1.0	819101 819102
50	Thực hành sư phạm 1	819084	1	7	1	20	2	30	0.5	
51	Thực hành sư phạm 2	819085	1	8	4	3	15	30	0.5	819301 819026
52	Thực hành sư phạm 3	819086	1	8	4	3	15	30	0.5	819110
53	Thực hành sư phạm 4	819087	1	0	10	5	15	30	0.5	819109
54	Thực hành sư phạm 5	819088	1	8	4	3	15	30	0.5	
<b>Tự chọn: 06/48 tín chỉ</b>										
55	Giáo dục sáng tạo cho trẻ mầm non	819312	2	15	5	5	5	30	1.0	819101
56	Tổ chức môi trường giáo dục cho trẻ mầm non	819111	2	15	5	0	10	30	1.0	819303
57	Giáo dục giới tính cho trẻ mầm non	819113	2	15	5	5	5	30	1.0	819303
58	Biên đạo múa cho trẻ mầm non	819118	2	10	10	5	5	30	1.0	819026
59	Chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1	819057	2	15	5	5	5	30	1.0	819303
60	Biên soạn các bài hát cho trẻ mầm non	819313	2	10	0	5	15	30	1.0	819301

61	Giáo dục tâm vận động cho trẻ mầm non	819314	2	15	5	5	5	30	1.0	819107
62	Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục mầm non	819315	2	10	10	0	10	30	1.0	
63	Giáo dục giá trị và kỹ năng sống cho trẻ mầm non	819316	2	10	10	6	4	30	1.0	819303
<b>IV</b>	<b>Khối kiến thức chuyên ngành: Không có</b>									
	Cơ cấu các học phần của khối kiến thức chuyên ngành được ghi trong mục 2.3									
<b>V</b>	<b>Thực tập: 09/132 tín chỉ</b>									
64	Thực tập sư phạm 1	863115	3					45	1	819103 819052
65	Thực tập sư phạm 2	863014	6					90	1	863115 819311 819308 819309 819106 819107 819108 819070
<b>VI</b>	<b>Khóa luận tốt nghiệp/các học phần thay thế: 8/132 tín chỉ</b>									
	Khóa luận tốt nghiệp	819099	8							
	<b>Các học phần thay thế KLTN</b>		<b>8</b>							
66	Giáo dục cảm xúc cho trẻ mầm non	819112	2	10	5	10	5	30	1	819102
67	Nghề giáo viên mầm non	819054	2	15	5	5	5	30	1	819303
68	Quản lý trong giáo dục mầm non	819055	2	15	5	5	5	30	1	819311
69	Đánh giá trong giáo dục mầm non	819056	2	15	8	7	0	30	1	819109 819110
	<i>Tổng cộng số tín chỉ tối thiểu phải tích lũy</i>		<i>132 tín chỉ/ 156 tín chỉ</i>							

### 2.3. Cơ cấu các học phần của khối kiến thức chuyên ngành (Không có)

TT	Tên học phần/môn học	Mã số	Số tín chỉ	Số tiết					Hệ số học phần	Mã số học phần học trước
				Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm, thực địa	Cộng		
				Lí thuyết	Bài tập	Thảo luận				
<b>I</b>	<b>Chuyên ngành 1:</b>									
	<i>Bắt buộc:</i>									
	<i>Tự chọn:</i>									

### 2.4. Kế hoạch đào tạo theo tiến độ

TT	Tên học phần/môn học	Mã số	Số tín chỉ	Học kì								
				1	2	3	4	5	6	7	8	9
<b>I</b>	<b>Khối kiến thức chung: 19/132 tín chỉ</b>											

	<b>Bắt buộc: 19/19 tín chỉ</b>												
1	Những nguyên lí cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin	861001	5	x	x								
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	861002	2		x	x							
3	Đường lối cách mạng ĐCSVN	861003	3			x	x						
4	Giáo dục thể chất I	862101	1	x	x								
5	Giáo dục thể chất II	862102	1		x	x							
6	Giáo dục thể chất III	862103	1			x	x						
7	Giáo dục quốc phòng – An ninh I	862106	3				x	x					
8	Giáo dục quốc phòng – An ninh II	862107	2		x	x							
9	Giáo dục quốc phòng – An ninh III	862108	3				x	x					
10	Tiếng Anh I	866101	2		x	x	x						
11	Tiếng Anh II	866102	2			x	x	x					
12	Tiếng Anh III	866103	3				x	x	x				
13	Pháp luật đại cương	865006	2	x	x								
	<b>Tự chọn: 00/19 tín chỉ</b>												
<b>II</b>	<b>Khối kiến thức cơ sở: 46/132 tín chỉ</b>												
	<b>Bắt buộc: 44/46 tín chỉ</b>												
14	Tâm lý học đại cương	863001	2	x									
15	Giáo dục học đại cương	863005	2	x									
16	Phương pháp NCKHGD	863009	2			x							
17	Tâm lí học trẻ em 1	819101	3		x								
18	Tâm lí học trẻ em 2Đ	819102	3		x								
19	Vệ sinh và dinh dưỡng trẻ em	819103	4	x									
20	Sinh lý trẻ em	819022	2	x									
21	Phòng bệnh trẻ em	819052	2	x									
22	Kỹ năng tạo hình	819020	3	x									
23	Nhạc 1	819021	2	x									
24	Nhạc 2	819301	2		x								
25	Kỹ năng làm đồ chơi	819024	2			x							
26	Vận động theo nhạc	819026	3				x						
27	Văn học trẻ em	819302	3		x								
28	Tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục ở trường Mầm non	819303	3		x								
29	Giáo dục học mầm non	819059	2			x							
30	Quản lý hành chính nhà nước & quản lý ngành GD-ĐT (GDMN)	819304	2									x	
31	Giáo dục hòa nhập	819058	2				x						
	<b>Tự chọn: 02/46 tín chỉ</b>												
32	Tâm lý học quản lý	819305	2			x							
33	Tâm lý học nhân cách	819030	2			x							
34	Giáo dục môi trường	819053	2			x							

35	Hát dân ca	819032	2				x						
36	Phương pháp dạy học hiện đại	819306	2				x						
37	Nghệ thuật nói diễn cảm	819307	2				x						
38	Giáo dục gia đình	819027	2				x						
39	Giao tiếp sư phạm mầm non	819104	3				x						
<b>III Khối kiến thức ngành: 48/132 tín chỉ</b>													
<b>Bắt buộc: 42/48 tín chỉ</b>													
40	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non	819308	4				x						
41	Phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen với tác phẩm văn học (ĐH)	819309	3					x					
42	Phương pháp giáo dục âm nhạc cho trẻ mầm non (ĐH)	819106	4						x				
43	Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non (ĐH)	819107	4						x				
44	Phương pháp hướng dẫn hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non (ĐH)	819108	4					x					
45	Phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen với môi trường xung quanh (ĐH)	819109	4			x							
46	Phương pháp hình thành biểu tượng toán cho trẻ mầm non (ĐH)	819110	4			x							
47	Phương pháp hướng dẫn hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non	819070	3				x						
48	Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non	819311	4						x				
49	Phương pháp nghiên cứu trẻ em	819081	2					x					
50	Thực hành sư phạm 1	819084	1						x				
51	Thực hành sư phạm 2	819085	1							x			
52	Thực hành sư phạm 3	819086	1				x						
53	Thực hành sư phạm 4	819087	1				x						
54	Thực hành sư phạm 5	819088	1			x							
<b>Tự chọn: 06/48 tín chỉ</b>													
55	Giáo dục sáng tạo cho trẻ mầm non	819312	2					x					
56	Tổ chức môi trường giáo dục cho trẻ mầm non	819111	2					x					
57	Giáo dục giới tính cho trẻ mầm non	819113	2					x					
58	Biên đạo múa cho trẻ mầm non	819118	2					x					
59	Chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1	819057	2					x					
60	Biên soạn các bài hát cho trẻ mầm non	819313	2						x				
61	Giáo dục tâm vận động cho trẻ mầm non	819314	2						x				
62	Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục mầm non	819315	2						x				

63	Giáo dục giá trị và kỹ năng sống cho trẻ mầm non	819316	2							x			
<b>IV</b>	<b>Khối kiến thức chuyên ngành: Không có</b>												
	Kế hoạch đào tạo theo tiến độ của khối kiến thức chuyên ngành được ghi trong mục 2.5												
<b>V</b>	<b>Thực tập: 09/132 tín chỉ</b>												
64	Thực tập sư phạm 1	863115	3							x			
65	Thực tập sư phạm 2	863014	6									x	
<b>VI</b>	<b>Khóa luận tốt nghiệp/các học phần thay thế: 08/132 tín chỉ</b>												
	Khóa luận tốt nghiệp	819099	8								x	x	x
	<b>Các học phần thay thế KLTN</b>		<b>08</b>										
66	Giáo dục cảm xúc cho trẻ mầm non	819112	2								x		
67	Nghề giáo viên mầm non	819054	2								x		
68	Quản lý trong giáo dục mầm non	819055	2								x		
69	Đánh giá trong giáo dục mầm non	819056	2								x		
<b>Tổng cộng số tín chỉ tối thiểu phải tích lũy</b>			<b>132 tín chỉ/ 156 tín chỉ</b>										

### 2.5. Kế hoạch đào tạo theo tiến độ của khối kiến thức chuyên ngành (Không có)

TT	Tên học phần/môn học	Mã số	Số tín chỉ	Học kì									
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	
<b>I</b>	<b>Chuyên ngành 1: .....(m/132 tín chỉ)</b>												

**DUYỆT  
HIỆU TRƯỞNG**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO**

**TRƯỞNG KHOA/NGÀNH**

**PGS.TS. Phạm Hoàng Quân**

**TS. My Giang Sơn**

**TS. Nguyễn Ngọc Quỳnh Dao**